

# QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

PHẠM THANH TÂM

## Tóm tắt

*Di sản văn hóa phi vật thể là một bộ phận quan trọng, không thể thiếu đối với mỗi nền văn hóa, là những giá trị văn hóa có sức sống trường tồn, trải qua các niên đại lịch sử khác nhau và phát huy cao độ trong nền văn hóa đương đại. Di sản văn hóa phi vật thể là tài sản vô giá, đồng thời là bản sắc, là linh hồn để gắn kết dân tộc, và là niềm tự hào của quốc gia, dân tộc ấy. Chính vì vậy mỗi quốc gia phải quản lý tốt lĩnh vực này để bảo tồn và phát huy các giá trị di sản của mình trong mọi điều kiện lịch sử. Nội dung bài viết đề cập tới các vấn đề: Nhận diện di sản văn hóa phi vật thể; thực trạng quản lý di sản văn hóa phi vật thể; trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực quản lý di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam hiện nay.*

**Từ khóa:** Di sản văn hóa, văn hóa phi vật thể, quản lý di sản

## Abstract

*Intangible cultural heritage is an indispensable part for each culture. It is the longevity cultural values, through different historical ages and reaches its peak in contemporary culture. Intangible cultural heritage is an invaluable asset as well as an identity, a soul that unites the nation and is the pride of that nation. Therefore, each country have to manage this area well to preserve and promote its heritage values in all historical conditions. This article will mention the following issues: Identifying intangible cultural heritage; real situation of intangible cultural heritage management and some solutions to improve the capacity of managing intangible cultural heritage in Vietnam today.*

**Keywords:** Cultural heritage, intangible culture, heritage management

## 1. Nhận diện di sản văn hóa phi vật thể

**D**i sản văn hóa phi vật thể (DSVHPVT) có vai trò và vị trí rất quan trọng đối với mỗi quốc gia, dân tộc. Nó là động lực lớn mạnh, đảm bảo cho sự phát triển bền vững và góp phần đa dạng hóa trong giao lưu văn hóa quốc tế. Vì thế các quốc gia đã không ngừng nghiên cứu, khám phá, có chính sách và biện pháp quản lý đặc biệt đối với loại hình di sản này. Trong nhiều năm nay, Tổ chức Khoa học, Giáo dục và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) đã thường xuyên có những văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, khuyến khích, công nhận và hỗ trợ các quốc gia trên thế giới bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa phi vật thể trong đời sống xã hội. Đặc biệt nhất là Công ước bảo vệ DSVHPVT được thông qua vào năm 2003 (Công ước 2003) và Công ước 2005.

Công ước 2003 chỉ rõ DSVHPVT được biểu hiện ở các hình thức như: "Các truyền thống và biểu đạt truyền khẩu, trong đó ngôn ngữ là phương tiện của di sản văn hóa phi vật thể; Nghệ thuật trình diễn; Tập quán xã hội, tín ngưỡng và các lễ hội; Tri thức và các tập quán liên quan đến tự nhiên và vũ trụ; Nghề thủ công truyền thống"(6, điều 2). Công ước 2003 cũng khẳng định: DSVHPVT là các tập quán, các hình thức thể hiện, biểu đạt, tri thức, kỹ năng, kèm theo đó là những công cụ, đồ vật, đồ tạo tác của cộng đồng và không gian văn hóa liên quan mà họ công nhận là một phần di sản văn hóa của mình. Di sản ấy được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác và không ngừng tái tạo để thích nghi môi trường, mối quan hệ giữa cộng đồng với tự nhiên cũng như lịch sử của họ, hình thành trong cộng đồng ý thức về bản

sắc, sự kế tục, khích lệ sự tôn trọng đối với đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người.

Từ quan điểm trên của Công ước 2003 có thể thấy những điểm nổi bật của DSVHPVT là: Di sản được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác nên nó mang ý nghĩa lịch sử rất rõ; không ngừng được tái tạo, bảo tồn và phát huy trong các cộng đồng; hình thành trong cộng đồng ý thức về bản sắc, sự kế tiếp, sáng tạo và khích lệ, tôn trọng sự đa dạng hóa văn hóa của các cộng đồng trên thế giới...

DSVHPVT khi được đa dạng hóa sẽ là động lực để phát triển kinh tế, làm phong phú hơn cuộc sống, trí tuệ, tình cảm, đạo đức và tinh thần của xã hội, đồng thời góp phần tích cực vào việc phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Do đó cần có đầu tư thích đáng của Nhà nước để DSVHPVT trở thành nguồn lực được tái tạo, sinh sôi liên tục, góp phần phát triển chất lượng cuộc sống con người.

Việt Nam là một trong những quốc gia có kho tàng văn hóa phi vật thể lớn và đa dạng hóa về thể loại, phong phú về số lượng tác phẩm và đặc sắc về tư tưởng, nghệ thuật cũng như các biểu hiện. DSVHPVT của Việt Nam đã trải qua nhiều niên đại lịch sử và được các thế hệ sáng tạo, bảo tồn, phát huy để ngày nay trở thành di sản văn hóa quý báu của dân tộc. Việc nghiên cứu DSVHPVT được đặt ra từ lâu và trở thành nhiệm vụ quan trọng để phát triển nền văn hóa dân tộc, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Theo Luật Di sản văn hóa của Việt Nam hiện hành, DSVHPVT được hiểu là: *"Sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác"* (4, Điều 4).

DSVHPVT tồn tại vô hình nhưng nó gắn với cộng đồng hoặc cá nhân nhất định trong lịch sử. Để nhận biết DSVHPVT, cần có các điều kiện thể hiện như: Môi trường, cảnh quan; không gian văn hóa truyền thống; các cổ vật, công cụ trình diễn; các cộng đồng, cá nhân

sáng tạo; truyền dạy hoặc trình diễn. DSVHPVT lưu truyền trong cộng đồng bằng các hình thức khác nhau như: Văn học truyền miệng (tục ngữ, ca dao, truyện cổ tích, sử thi ...); dạng văn bản, chữ viết; tri thức dân gian (quan niệm về thời tiết, lao động sản xuất, y học, ẩm thực, quan hệ xã hội và gia đình...); nghệ thuật biểu diễn (tuồng, chèo, cải lương, dân ca, múa rối...); phong tục, tập quán; lễ hội truyền thống; trò chơi dân gian; trò diễn dân gian...

DSVHPVT của Việt Nam là kho tàng tri thức văn hóa có giá trị rất lớn trong đời sống xã hội của các thế hệ người Việt Nam. Nó phong phú đa dạng về thể loại, đặc sắc về hình thức biểu hiện và là nhu cầu tinh thần không thể thiếu của người dân hiện nay. Đặc biệt, các loại hình như: Lễ hội truyền thống, phong tục, tập quán và nghệ thuật biểu diễn truyền thống... đã thu hút phần lớn người dân và khách du lịch quốc tế. Hơn bất cứ hoạt động văn hóa mang tính cộng đồng nào, DSVHPVT được lưu truyền, có tác động nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng, gắn kết các cộng đồng dân tộc và là động lực để phát triển bền vững các nhân tố khác của xã hội. Trong điều kiện toàn cầu hóa hiện nay, DSVHPVT Việt Nam có những cơ hội để phát triển như:

+ *Sự quan tâm của Đảng và Nhà nước*: Nhà nước luôn quan tâm tới việc phát triển văn hóa, coi văn hóa là nguồn lực của sự phát triển. Trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Đảng đã khẳng định: *"Văn hóa là kết quả của kinh tế, đồng thời là động lực của sự phát triển kinh tế. Các nhân tố văn hóa phải gắn kết chặt chẽ với đời sống và hoạt động xã hội trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, pháp luật, kỷ cương... biến thành nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của phát triển"* (3).

Quan điểm "văn hóa là động lực để phát triển kinh tế - xã hội" đã được Đảng ta nhận thức sâu sắc và định hướng cho phát triển văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa. Qua các Đại hội lần thứ IX, X và XI, Đảng đã đặc biệt quan tâm đến chỉ đạo việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống; nghiên cứu, giáo dục những đạo lý dân tộc tốt đẹp do ông cha để

lại; bảo tồn, phát huy ngôn ngữ, chữ viết của đồng bào các dân tộc thiểu số; phát huy tài năng của các nghệ nhân; sưu tầm, nghiên cứu, phát huy và phổ biến những giá trị văn hóa của cộng đồng dân tộc...

Trên cơ sở định hướng của Đảng, trong nhiều năm qua, Nhà nước đã không ngừng hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về di sản văn hóa. Đây là cơ sở để ngành văn hóa thực hiện tốt việc sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị DSVHPVT trong cộng đồng, động viên, khích lệ người dân tham gia sáng tạo văn hóa. Đồng thời, hệ thống pháp luật cũng là công cụ để quản lý di sản văn hóa nói chung, DSVHPVT nói riêng. Nhà nước cũng đề ra những chính sách hợp lý để bảo tồn, khuyến khích việc sáng tạo văn hóa trong cộng đồng. Bên cạnh đó, cơ quan quản lý ngành văn hóa cũng thường xuyên ra những văn bản chỉ đạo, quản lý và hướng dẫn cộng đồng, địa phương tham gia trực tiếp vào sáng tạo, bảo tồn và phát huy giá trị DSVHPVT.

+ *Sự nỗ lực của UNESCO*: Hiện nay Việt Nam đã có 12 DSVHPVT được UNESCO công nhận. Với vai trò, trọng trách của mình, UNESCO đã nỗ lực nghiên cứu, công nhận và đưa ra những quan điểm, hướng dẫn các quốc gia trên thế giới trong việc khai thác, bảo tồn và phát huy những di sản văn hóa thế giới. Ngay từ cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX, UNESCO đã khuyến nghị các quốc gia cần tăng cường việc khai thác, bảo vệ và phát huy giá trị DSVHPVT trước tác động của toàn cầu hóa kinh tế, biên soạn những văn bản pháp lý quốc tế về bảo vệ, phát huy giá trị DSVHPVT. Đặc biệt, UNESCO đã có Công ước 2003 về Bảo vệ DSVHPVT. Trong Công ước đã làm rõ về: Bảo vệ DSVHPVT; tôn trọng DSVHPVT của cộng đồng, nhóm người, cá nhân; nâng cao nhận thức của các cấp địa phương, quốc gia, quốc tế đối với DSVHPVT; tạo ra sự hợp tác và hỗ trợ giữa các quốc gia trong vấn đề đó.

+ *Sự tác động của toàn cầu hóa*: Toàn cầu hóa kinh tế với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế xã hội, đã tác động làm tăng trưởng GDP và nâng cao mức sống của con người. Đây là điều kiện để thúc đẩy nhu cầu hưởng thụ giá trị DSVHPVT như: Tham gia lễ hội; phát huy các

phong tục, tập quán trong đời sống; thưởng thức văn hóa nghệ thuật truyền thống... ở mọi lứa tuổi, nghề nghiệp, trình độ hay vị trí xã hội. Toàn cầu hóa kinh tế và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 là cơ hội để nhân dân thế giới biết đến DSVHPVT Việt Nam và tham gia du lịch tiếp cận, thưởng thức giá trị này; tạo khả năng lan truyền mạnh mẽ giá trị di sản văn hóa trong cả nước và trên toàn thế giới.

+ *Sự tham gia của toàn xã hội*: Thu hút nguồn lực, nhu cầu về DSVHPVT ngày càng cao, đòi hỏi Nhà nước, các tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cần phải đầu tư khai thác, bảo tồn, tu bổ và phát triển các di sản này một cách thích đáng. Nhà nước đã có những chính sách thiết thực để đầu tư cho DSVHPVT: Chính sách tôn vinh các nghệ nhân; đầu tư quảng bá hình ảnh DSVHPVT ra thế giới; đầu tư đào tạo nhân lực... Nhiều nhà hảo tâm, doanh nghiệp, cá nhân cũng tự nguyện đầu tư qua công đức, tài trợ, giúp đỡ hoặc tu bổ, sửa chữa, tôn tạo các di sản, không gian hay môi trường diễn ra các hoạt động văn hóa. Nhiều địa phương đã tự nguyện tham gia vào bảo vệ di sản văn hóa, tích cực sưu tầm, đóng góp trí tuệ vào việc thẩm định, đánh giá, bảo vệ và lan truyền DSVHPVT trong cộng đồng, xã hội cũng như thế giới... Tất cả điều đó đã là cơ sở, là điều kiện để sáng tạo, bảo tồn, phát huy những giá trị DSVHPVT của Việt Nam hiện nay.

## **2. Thực trạng quản lý Nhà nước đối với di sản văn hóa phi vật thể**

### **2.1. Những thành tựu của quản lý di sản văn hóa phi vật thể**

Song song với quản lý kinh tế, trong suốt quá trình lãnh đạo đất nước, Đảng ta đặc biệt coi trọng quản lý văn hóa, đồng thời định hướng và chỉ đạo sát sao vấn đề này theo hướng: Quản lý văn hóa phải gắn liền với quản lý kinh tế xã hội; quản lý văn hóa là để kích thích, phát triển văn hóa và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa trong cộng đồng, xã hội; quản lý văn hóa nhằm lan tỏa mạnh các giá trị văn hóa dân tộc đến với cộng đồng nhân dân thế giới. Mặt khác, quản lý văn hóa còn đảm bảo văn hóa phát triển đúng theo định hướng của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Trong *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020*,

tầm nhìn 2030, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã khẳng định: “*Quản lý Nhà nước về văn hóa là mở đường cho các hoạt động sáng tạo văn hóa và bảo tồn, phát triển nền văn hóa dân tộc, nhân văn, tiếp thu tinh hoa văn hóa và tiến bộ khoa học, kỹ thuật công nghệ của nhân loại...*” (2).

Quản lý di sản văn hóa nói chung và DSVHPVT nói riêng là một bộ phận của quản lý văn hóa, có vai trò đặc biệt quan trọng đối với Việt Nam. Theo PGS. Đặng Văn Bài: “*Quản lý di sản văn hóa cần kết hợp ba yếu tố cơ bản: Có đường lối, chính sách và pháp luật phù hợp; xây dựng hệ thống cơ quan quản lý Nhà nước từ trung ương đến địa phương...; được sự đồng tình ủng hộ của công chúng...*” (1, tr.14). DSVHPVT ngày nay đã trở thành đối tượng điều chỉnh của pháp luật (Luật Di sản văn hóa), điều đó thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Nhà nước đối với vấn đề này, đồng thời cũng khẳng định vị trí đặc biệt của DSVHPVT đối với đời sống xã hội.

Trong nhiều năm qua, quản lý DSVHPVT ở Việt Nam đã đạt được những kết quả nhất định, biểu hiện thông qua các nội dung:

+ *Xây dựng hệ thống các văn bản pháp luật*: Pháp luật về DSVHPVT là một đòi hỏi tất yếu đối với mỗi quốc gia, Việt Nam cũng không ngoại lệ. Pháp luật đảm bảo cho các hoạt động văn hóa, sáng tạo và bảo tồn các DSVHPVT theo định hướng của Đảng, Nhà nước và nguyện vọng của nhân dân. Luật Di sản văn hóa được Quốc hội thông qua tháng 6/2001 và có hiệu lực thi hành từ 1/1/2002, đã đánh dấu một bước quan trọng trong việc tạo những căn cứ pháp lý cho việc bảo tồn, phát huy và phổ biến di sản văn hóa trong đời sống cộng đồng. Luật đã dành những dung lượng đáng kể để cập tới các vấn đề: Trách nhiệm của Nhà nước, cơ quan quản lý Nhà nước; những nguyên tắc trong sưu tầm, bảo tồn, phát huy DSVHPVT; các biện pháp bảo vệ DSVHPVT; các chính sách đặc thù nhằm tôn vinh, đãi ngộ và khuyến khích cá nhân, tổ chức có công sáng tạo, bảo tồn DSVHPVT; đề cao tính cộng đồng bảo vệ DSVHPVT.

Trong bối cảnh mới, một số quy định của Luật Di sản văn hóa chưa cụ thể hoặc chưa phù hợp với thực tiễn và còn những bất cập

cần phải sửa đổi để lấp lỗ hổng trong quản lý di sản. Năm 2009, Luật Di sản văn hóa sửa đổi đã được Quốc hội thông qua và ban hành. Luật Di sản văn hóa sửa đổi thể hiện rõ quan điểm đổi mới về quản lý di sản văn hóa, trong đó có DSVHPVT của Việt Nam: Công nhận nhiều hình thức sở hữu đối với DSVHPVT, bao gồm cả sở hữu tư nhân; phân định rõ, quyền lợi, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong bảo tồn, phát huy giá trị DSVHPVT; chỉ rõ những hành vi nghiêm cấm, những vi phạm đối với DSVHPVT và mức độ xử lý; xây dựng cơ chế, chính sách, những quy định tôn vinh, khen thưởng cho tổ chức, cá nhân có công trong sáng tạo, truyền nghề và phát huy DSVHPVT. Đặc biệt, Luật đã thể hiện rất rõ việc Nhà nước định hướng bảo tồn DSVHPVT thông qua các nội dung: Tổ chức nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê và phân loại DSVHPVT; tổ chức các hoạt động truyền dạy, xuất bản, trình diễn, phục dựng và phổ biến DSVHPVT; tổ chức đào tạo, hướng dẫn nghiệp vụ; đầu tư kinh phí cho hoạt động bảo tồn, phát huy DSVHPVT.

Có thể nói, Luật Di sản văn hóa sửa đổi năm 2009 đã tạo hành lang pháp lý quan trọng cho các tổ chức, cá nhân tham gia sáng tạo, bảo tồn và phát huy giá trị DSVHPVT, đồng thời là căn cứ quan trọng để quản lý nhà nước đối với DSVHPVT. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng xây dựng và ban hành hàng loạt các văn bản dưới luật để hướng dẫn, chỉ đạo và thực thi quy định pháp luật quản lý DSVHPVT: Quyết định số 1211/QĐ-TTg ngày 5/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu của quốc gia về văn hóa giai đoạn 2012-2015 (trong đó có DSVHPVT); Chỉ thị số 265/CT ngày 18/12/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về tăng cường công tác quản lý, thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội; Thông tư liên Bộ số 49/2013, ngày 30/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn du lịch bảo vệ môi trường trong hoạt động lễ hội và phát huy giá trị di tích; năm 2010 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL về quy định kiểm kê DSVHPVT để lập hồ sơ khoa học đưa vào danh mục DSVHPVT quốc gia; năm 2014 Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đã xây dựng Chiến lược

phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 và nhiều văn bản khác. Các văn bản này nhằm cụ thể hóa đường lối của Đảng và các quy định pháp luật để hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương, tổ chức, cá nhân hoạt động, bảo tồn, phát huy giá trị DSVHPVT.

Trong những năm gần đây, Nhà nước đã quan tâm hơn và ban hành nhiều chính sách hợp lý đối với DSVHPVT. Đó là chính sách đầu tư kinh phí để kiểm kê, đánh giá, xếp hạng DSVHPVT trên toàn quốc; chính sách khuyến khích, đãi ngộ các nghệ nhân; chính sách hỗ trợ tổ chức lễ hội truyền thống; chính sách đầu tư để bảo tồn, quảng bá DSVHPVT... Những chính sách này đã góp phần quan trọng và nhiều lúc quyết định hiệu quả của việc bảo tồn, phát huy, lan tỏa giá trị DSVHPVT trong cộng đồng dân tộc và thế giới.

+ *Xây dựng hệ thống thiết chế quản lý DSVHPVT.* Hệ thống thiết chế quản lý văn hóa nói chung và DSVHPVT nói riêng được Nhà nước thiết lập từ Trung ương đến cơ sở để thực hiện mục tiêu quản lý của mình. Mỗi đơn vị quản lý có chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động nhất định thông qua cơ cấu tổ chức và phương pháp hoạt động phù hợp với toàn bộ hệ thống. Bộ máy quản lý của Nhà nước thực thi quản lý văn hóa thống nhất trên toàn quốc trên cơ sở pháp luật và những nguyên tắc chung, nhằm thực hiện chức năng quản lý của Nhà nước đối với văn hóa và DSVHPVT. Hệ thống quản lý này bao gồm: Cơ quan quản lý cấp Trung ương, cấp địa phương và cấp cơ sở. Đồng thời, Nhà nước không ngừng tổ chức huấn luyện, đào tạo hoàn thiện để nâng cao năng lực của các nhân sự quản lý, nhằm đảm bảo đội ngũ cán bộ quản lý vừa có năng lực chuyên môn, vừa có phẩm chất chính trị vững vàng.

+ *Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc bảo tồn và phát huy các giá trị DSVHPVT.* Thanh tra và kiểm tra là một trong những nội dung quan trọng của quản lý và là tất yếu của quản lý văn hóa, quản lý DSVHPVT của quốc gia. Thông qua đó, nhằm nghiên cứu, phát hiện những nhân tố tích cực, động viên, khích lệ tổ chức, cá nhân trong hoạt động sáng tạo, bảo tồn và phát huy DSVHPVT; phát hiện, đánh giá đúng mức những cá nhân, tổ chức vi phạm pháp

luật về bảo tồn, phát huy giá trị DSVHPVT; xử lý nghiêm và đúng luật các hành vi vi phạm trên đây. Với chức năng quản lý của mình, cơ quan quản lý các cấp trong nhiều năm qua đã tổ chức các đợt thanh tra thường xuyên và đột xuất. Các hoạt động đó đã góp phần tích cực trong việc ngăn chặn, giảm bớt hành vi làm mai một, biến dạng hoặc sai lệch mục tiêu của hoạt động văn hóa, phá hủy môi trường chung và môi trường văn hóa, làm mất tính linh thiêng, tính bản sắc của giá trị DSVHPVT.

## **2.2. Những vấn đề tồn tại cần khắc phục trong quản lý DSVHPVT**

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong những năm qua, quản lý DSVHPVT ở Việt Nam vẫn còn không ít những tồn tại, hạn chế.

+ *Công tác tuyên truyền yếu.* Việc tuyên truyền để người dân có nhận thức đúng đắn về giá trị DSVHPVT của dân tộc chưa được coi trọng đúng mức. DSVHPVT của các dân tộc ít người còn chưa được đánh giá, tôn vinh đúng mức. Điều đó đã dẫn đến một số DSVHPVT của dân tộc ít người bị mờ nhạt trong môi trường văn hóa chung của quốc gia. Đồng thời còn dễ tồn tại trong nhân dân, du khách và cả cán bộ quản lý tình trạng chưa có ý thức và trách nhiệm cao trong bảo vệ DSVHPVT của cộng đồng, dân tộc.

+ *Yếu tố đương đại làm mờ các giá trị truyền thống.* Nhiều hoạt động văn hóa truyền thống hiện nay bị biến tướng, đương đại hóa, mục đích là làm tăng sự hấp dẫn và thu hút khách như: "Festival nghệ thuật" trong các lễ hội ở Kiếp Bạc, Tịch Điền, Lảnh Giang...; Chương trình thi vẽ, trang trí trên mặt, người theo các nhân vật truyền thống, trên các con vật (*body art*)... Các hoạt động này có dáng dấp của yếu tố ngoại lai, vô hình trung đã đẩy người dân ra khỏi lễ hội với đấng thiêng liêng của lòng mình. Có lễ hội bị làm sai lệch nhiều, dẫn đến biến dạng các yếu tố truyền thống. Việc sử dụng sân khấu hóa trong diễn xướng *Hầu Thánh* với âm thanh, ánh sáng, nghệ thuật đương đại 3D, 5D đã làm mất đi tính linh thiêng của lễ hội, làm mất bản sắc của lễ hội truyền thống dân tộc và phục vụ cho việc thực dụng hóa vấn đề tâm linh của lễ hội. Các bài hát dân ca mang đậm đà bản sắc nhưng lại diễn trên sân khấu hoành tráng với

phong cách và phụ họa hiện đại. GS.TS. Ngô Đức Thịnh cho rằng, có thể thay đổi, kết hợp yếu tố đương đại trong lễ hội, nhưng phải đảm bảo được các yếu tố: tính linh thiêng; phù hợp với sự sáng tạo của người dân và chủ thể sáng tạo phải tham gia; sáng tạo cần tuân thủ các mô thức của xã hội Việt Nam. Thực tế cho thấy hoạt động văn hóa đòi hỏi sự sáng tạo độc đáo, nhưng phải gắn với lịch sử văn hóa của địa phương và đất nước.

+ *Thương mại hóa các hoạt động khai thác DSVHPVT.* Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hoạt động du lịch có điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh ở Việt Nam. Du lịch đã đem lại nhiều lợi ích, nhưng du lịch lại là con dao hai lưỡi đối với bảo vệ DSVHPVT. Hình như người ta đã mặc nhiên rằng, DSVHPVT là để phục vụ du lịch, là để tạo ra nguồn lực kinh tế cho địa phương, nên đã khai thác triệt để các di sản này. Sau khi DSVHPVT được vinh danh, chính quyền địa phương và ngành du lịch mong muốn biến chúng thành tài nguyên để khai thác tiềm năng kinh tế. Nhiều DSVHPVT độc đáo của dân tộc đã bị chủ thể văn hóa, do mãi mê kiếm tiền bằng dịch vụ, dẫn đến việc tuyên truyền về giá trị lịch sử, ý nghĩa văn hóa của nó đã bị lãng quên. Một số nơi còn nâng cấp di sản, làm hoành tráng DSVHPVT cho xứng tầm thế giới, xứng danh hiệu được công nhận. Từ đó họ kiếm lợi bằng nâng giá trị mà khách tham quan phải chi trả, thậm chí tạo ra các địa điểm văn hóa tâm linh mới, bất chấp pháp luật hay sự thật lịch sử để biến chúng thành hàng hóa, thu lợi bất chính. Trong khi đó cơ quan quản lý Nhà nước ở địa phương lại làm ngơ trong thời gian dài. Nhiều DSVHPVT thường xuyên bị quá tải bởi chưa điều tiết được lượng khách du lịch, gây bất lợi cho việc bảo vệ di sản, nhưng chúng ta chưa có biện pháp khắc phục.

+ *Cảnh quan, môi trường bị tổn hại.* Thực tế cả chủ thể và khách thể tham gia hoạt động văn hóa tại các di sản, nhất là các di sản tâm linh đều chưa nêu cao ý thức trách nhiệm của mình đối với môi trường tự nhiên và xã hội. Tình trạng đó dẫn đến di sản bị xâm phạm, môi trường bị phá

hủy và gây ra những hệ lụy đáng tiếc. Đối với chủ thể, do năng lực hạn chế nên chưa có một quy hoạch với cái nhìn tổng quát về yêu cầu, đòi hỏi cũng như dự báo vấn đề diễn ra để chủ động tổ chức, quản lý. Điều đó đã tạo sự sai lệch trong hành vi và quá tải các sự kiện, làm xấu cảnh quan và suy giảm sự linh thiêng của nó. Dịch vụ tràn lan, không có trật tự và nguyên tắc hoạt động nhất định là nguyên nhân của tình trạng ô nhiễm môi trường, chặt chém khách hàng và không an toàn thực phẩm... tạo nên hình ảnh xấu trong mắt du khách trong nước và thế giới. Ngoài ra, bản thân mỗi du khách, chưa có ý thức bảo vệ môi trường và tuân thủ các quy định của tổ chức.

+ *Sự chỉ đạo và quản lý của các cấp chưa sát sao, chưa tuân thủ đúng pháp luật.* Việc cấp phép cho các sự kiện, các hoạt động văn hóa tâm linh còn dễ dãi, tràn lan và không đi vào trọng điểm, không duyệt kỹ nội dung cũng như quy mô hoạt động phù hợp với tính chất của sự kiện dẫn đến những sai sót. Chưa giám sát chặt chẽ các hoạt động nên chưa phát hiện kịp thời sai lệch để chỉnh lý hay xử lý đúng mức. Kinh phí đầu tư cho các sự kiện mang tầm cỡ quốc gia còn hạn hẹp. Chưa kích thích các tổ chức, cá nhân tham gia tích cực vào bảo vệ, lan truyền DSVHPVT.

### **3. Mấy ý kiến đề xuất**

#### **3.1. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về DSVHPVT**

Đây là nhiệm vụ quan trọng để định hướng, quản lý, bảo vệ và phát huy DSVHPVT của Việt Nam giai đoạn hiện nay. Luật và văn bản dưới luật đã ban hành cần được bổ sung sửa đổi cho phù hợp với khuyến nghị của UNESCO. Chính sách cần đủ sức khuyến khích cộng đồng tham gia sáng tạo, bảo vệ và phát huy giá trị DSVHPVT, đặc biệt trong đó là chính sách đầu tư tài chính cho sưu tầm, sáng tạo, bảo vệ và lan truyền giá trị của di sản. Pháp luật phải đủ sức răn đe, ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật văn hóa đối với cả chủ thể và khách thể quản lý. Cần có điều khoản cụ thể để xử lý chủ thể quản lý vi phạm.

### 3.2. **Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền và quảng bá**

Đây là hoạt động cần thiết nhằm nâng cao ý thức và trách nhiệm người dân, toàn cộng đồng dân tộc tham gia bảo vệ, phát huy DSVHPVT; quảng bá hình ảnh và giá trị DSVHPVT sâu rộng hơn ra cộng đồng thế giới. Cần hoạch định chiến lược quảng bá khoa học, hấp dẫn, phù hợp với tinh thần định hướng quốc gia về DSVHPVT. Thực thi quảng bá, tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân và cộng đồng quốc tế bằng những hình thức đa dạng và truyền cảm. Cần biến mỗi nhà quản lý, mỗi người dân và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực văn hóa trở thành một tuyên truyền viên tích cực, một hình ảnh biểu tượng cho thương hiệu của bản sắc văn hóa Việt.

### 3.3. **Nâng cao năng lực nhân sự quản lý**

Cần thay đổi tư duy từ thực tế đến yêu cầu và hoạch định nhân sự phù hợp chiến lược phát triển văn hóa quốc gia. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu công việc, tránh hình thức, giáo điều. Cách đào tạo năng động, có thể nhờ sự hỗ trợ của UNESCO, các nước khác hay tự hoàn thiện nhân sự quản lý văn hóa nói chung, DSVHPVT nói riêng. Đảm bảo để nhân sự quản lý có năng lực chuyên môn, có phẩm chất đạo đức và hoạt động trên cơ sở thượng tôn pháp luật, minh bạch, công khai và bảo vệ, phát huy tối đa nguồn lực DSVHPVT của dân tộc. Tích cực thanh, kiểm tra phát hiện cá nhân, tổ chức vi phạm để xử lý đúng, kịp thời. Góp phần giáo dục, nâng cao nhận thức và hoàn thiện nhân cách cán bộ quản lý.

### 3.4. **Nâng cao ý thức cộng đồng**

Có biện pháp khuyến khích người dân tham gia bảo vệ và phát huy DSVHPVT trong cộng đồng; khuyến khích họ nâng cao vai trò tự quản theo tinh thần Công ước 2003 của UNESCO. Đồng thời thu hút người dân, nhất là đồng bào các dân tộc ít người vào việc sưu tầm, sáng tạo, bảo vệ và phát huy giá trị DSVHPVT, thông qua chính sách khuyến khích hợp lý.

Quản lý Nhà nước đối với DSVHPVT ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay đang đặt ra một số yêu cầu bức thiết cần được giải quyết. Điều này đòi hỏi không chỉ cần nâng cao trách nhiệm và năng lực của chủ thể quản lý mà còn phải có sự tham gia của cả cộng đồng nhằm bảo tồn và phát huy, lan tỏa mạnh giá trị DSVHPVT trong nước và trên thế giới. Do đó, cần nhận thức rõ vai trò, giá trị của DSVHPVT để có biện pháp quản lý, tổ chức và khai thác đạt hiệu quả thiết thực.

P.T.T

(PGS.TS, Nguyên Trưởng khoa Phát hành xuất bản phẩm, Trường ĐHVHHN)

### Tài liệu tham khảo

1. Đặng Văn Bài (2014), *Việt Nam đã chủ động, sáng tạo thực hiện khuyến nghị của UNESCO trong Công ước 2003*, in trong Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế 10 năm thực hiện công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO: Bài học kinh nghiệm và định hướng tương lai, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2014), *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 và tầm nhìn năm 2030*.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
4. Quốc hội Nước CHXHCNVN (2013), *Luật Di sản văn hóa*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Phạm Thanh Tâm (2017), *Quản lý hoạt động văn hóa cơ sở ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
6. UNESCO (2003), *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Cong-uoc-bao-ve-di-san-van-hoa-phi-vat-the-130943.aspx>.

Ngày nhận bài: 20 - 5 - 2018

Ngày phản biện, đánh giá: 21 - 6 - 2018

Ngày chấp nhận đăng: 25 - 6 - 2018